

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: 22 /2025/HS-PT

Ngày: 05/3/2025

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Nga

Các Thẩm phán: Ông Lê Văn Quân

Bà Nguyễn Thu Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:
ông Lê Công Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 03/2024/TLPT-HS ngày 02/01/2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2025/QĐXXPT- HS ngày 05/ 02/2025, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Ngọc C; sinh năm 1974; căn cước công dân số: 038074003473; nơi cư trú: thôn N, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Ngọc T và bà Nguyễn Thị C1; gia đình có 02 người con, bị cáo là con thứ hai; vợ là Nguyễn Thị H, có 04 con, con lớn sinh năm 1999, con nhỏ sinh năm 2011; tiền án: không; tiền sự: không; tạm giữ: ngày 08/3/2024; tạm giam: ngày 13/3/2024, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T; (có mặt).

2. Trịnh Viết H1; sinh năm 1972; căn cước công dân số: 038072036479; nơi cư trú: thôn N, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 7/10; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Viết S và bà Nguyễn Thị L; gia đình có 08 anh chị em, bị cáo là con thứ sáu; vợ là Hồ Thị H2, có 02 con, con lớn sinh năm 1994; con nhỏ sinh năm 1996; tiền án: không; tiền sự: không; tạm giữ: ngày 08/3/2024; tạm giam: ngày 13/3/2024, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T; (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tối ngày 04/3/2024, Hoàng Văn T1, Hoàng Văn B và Phạm Văn H3 ăn tối tại nhà Hoàng Văn H4 xong, T1 sử dụng tài khoản zalo của T1 (đăng ký bằng số điện thoại 0912.776.299) nhắn tin vào Zalo của B (đăng ký bằng số điện thoại 0395.556.168) rủ B sử dụng ma túy thì B đồng ý. Và T1 sử dụng tài khoản messenger của T1 nhắn tin vào Messenger của H4 rủ H4 sử dụng ma túy, H4 đồng ý. T1 nhắn tin cho B chuyển tiền để T1 đi mua ma túy về sử dụng. Chuyển khoản 5.000.000đ (Năm triệu đồng) từ tài khoản số 03303336868 của “HOANG VAN BIEN” tại ngân hàng M đến tài khoản số 99720853333 mang tên “HOANG VAN THANH” tại ngân hàng V. Nhận được tiền, T1 nói với H4, B, H3 đi đến quán K1 thuộc thôn N, xã Q, huyện Q.

Biển sử dụng xe mô tô BKS: 36B8-707.80 của Biển chở theo T1, H4, H3 đi đến quán karaoke. Khi đến quán, cả nhóm được Nguyễn Đình D (chủ quán Karaoke) sắp xếp vào phòng Vip 3. H4, B, H3 vào phòng hát trước, còn T1 đi ra ngoài sử dụng điện thoại di động số 0912.776.299 gọi vào số 0392807923 của Thừa Văn L1 hỏi mua 06 viên thuốc lắc và 02 chỉ ketamine. L1 đồng ý và gọi đến số điện thoại (số C) của người nam thanh niên (L1 không biết rõ tên, tuổi, địa chỉ, trước đó L1 gặp tại quán bar ở xã Q, thành phố S đã cho L1 số điện thoại trên) hỏi mua 06 viên thuốc lắc và 02 chỉ ketamine với giá 5.900.000 đồng, sau đó L1 gọi điện cho T1 báo giá là 7.500.000đ (06 viên thuốc lắc với giá 1.500.000đ (mỗi viên giá 250.000đ), 02 chỉ ketamine giá 6.000.000đ (mỗi chỉ ketamine giá 3.000.000đ và hẹn gặp nhau tại khu vực đường D thuộc xã Q, huyện Q để giao dịch. T1 điều khiển xe mô tô BKS: 36B8-707.80 đi mua ma túy. Tại phòng Vip 3, H4 yêu cầu D gọi 04 nhân viên nữ phục vụ, nên D đã gọi Lê Thị Thu SN 2009 ở thôn Q, xã Đ, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Nguyễn Thị X SN 2007 ở thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa; Y Kiều SN 2007 ở thôn Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Kon Tum; Y Siện SN 2003 ở thôn Đ, xã V, huyện T, tỉnh Kon Tum vào phục vụ phòng Vip 3 (T2, X đang ở trọ tại thôn D, xã T, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa; Y K, Y S1 đang ở trọ tại thôn N, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa).

Đến khoảng 22 giờ 00 phút cùng ngày, T1 đi đến điểm hẹn thì gặp L1 điều khiển xe mô tô BKS: 36B8-766.88 đi tới. Tại đây L1 yêu cầu T1 chuyển tiền mua ma túy vào tài khoản 39678988888 tại ngân hàng M mang tên “TRUONG DUC LUU”. T1 đồng ý rồi sử dụng tài khoản của T1 (số I) mang tên “HOANG VAN THANH” tại ngân hàng V chuyển số tiền 7.000.000đ vào tài khoản số 39678988888 tại ngân hàng M mang tên “TRUONG DUC LUU”, còn lại 500.000đ T1 đưa tiền mặt cho L1.

Nhận được tiền, L1 đưa lại cho T1 6 viên thuốc lắc và 02 chỉ ketamine bỏ trong túi nilon bọc bên ngoài bằng khăn trang màu trắng. Mua được ma túy, T1 điều khiển xe trở về quán K1, vào phòng Vip 3, T1 lấy ra 03 viên thuốc lắc, T1 sử dụng hết 01 viên, đưa cho H4 01 viên, còn một viên đưa cho B. Nhận được thuốc lắc từ T1, H4 sử dụng một nửa viên, B sử dụng một phần nhỏ, phần còn lại H4 và B để trên bàn. Số thuốc lắc còn lại 4 nhân viên nữ là T2, X, Y K, Y S1 tự sử dụng hết. Sau khi mọi người sử dụng thuốc lắc xong, T1 đi ra quầy lễ tân mượn D tờ tiền 1.000đ để xào ketamine (D biết việc Thanh mượn tờ tiền để nhằm mục đích

xào Ketamine). Mượn được tiền, T1 vào phòng đồ hết số ketamine mua được lên mặt tờ tiền, dùng bật lửa hơi nóng rồi đưa lần lượt cho tất cả mọi người trong phòng sử dụng hết bằng cách hít trực tiếp vào mũi. Sử dụng ketamine xong, tất cả ngồi nghe nhạc.

Khoảng 23 giờ 30 phút ngày 04/3/2024, Trịnh Viết Hồng điều khiển xe mô tô BKS: 36B8-116.67 chở theo Nguyễn Ngọc C đến nhà Nguyễn Văn H5 rủ H5 đi hát karaoke. Tại nhà H5, C nói: “Đi hát lấy thêm tí về chơi cho vui” (ý C nói là đi mua ma túy và H1, H5 đều hiểu C rủ mua ma túy về quán karaoke để sử dụng) thì cả H1 và H5 đều đồng ý. Thống nhất xong, C sử dụng điện thoại di động số 0984.974.960 gọi vào số 0912.776.299 của Hoàng Văn T1 (tại thời điểm này T1 ở phòng V1 quán K1) hỏi mua 03 viên thuốc lắc và nửa chỉ ketamine, T1 đồng ý rồi tắt máy. Do đang còn 03 viên thuốc lắc chưa sử dụng hết và cũng đang có ý định mua thêm ketamine về sử dụng nên T1 gọi điện cho Thừa Văn L1 hỏi mua 01 chỉ ketamine, L1 đồng ý và gọi điện cho người nam thanh niên đã bán ma túy cho L1 trước đó hỏi mua 01 chỉ ketamine với giá 2.500.000 đồng, L1 gọi điện lại cho T1 báo giá 01 chỉ ketamine là 3.400.000đ, đồng thời hẹn T1 gặp nhau tại vị trí cũ trước đó tại khu vực đường ven biển xã Q, huyện Q để giao ma túy.

Sau đó T1 gọi lại cho C thông báo giá tiền nửa chỉ ketamine và 03 viên thuốc lắc là 3.200.000đ (giá “nửa chỉ” ketamine là 2.450.000đ, giá 03 viên thuốc lắc là 750.000đ, số tiền chênh lệch, hưởng lợi là 750.000đ) rồi hẹn C đứng đợi tại đoạn đường ven biển gần trạm y tế xã Q, huyện Q để đưa ma túy. Thống nhất xong, T1 điều khiển xe mô tô đi gặp L1.

Chính, H5 và H1 sau khi hỏi mua được ma túy thì bàn bạc, góp tiền, C góp 1.000.000đ, H5 góp 1.000.000đ, H1 góp 1.200.000đ, C là người cầm tiền, sau đó H5 gọi điện thoại cho D (chủ quán karaoke Dương Đ) để đặt phòng hát. Còn H1 sử dụng xe mô tô BKS: 36B8-116.67 chở C đi đến điểm hẹn mua ma túy, trên đường đi C đưa lại số tiền 3.200.000đ cho H1 cầm.

Đến khoảng 00 giờ 20 phút cùng ngày, T1 gặp L1 tại điểm hẹn, T1 đưa cho L1 3.400.000đ tiền mặt, L1 đưa lại cho T1 01 chỉ ketamine (chia thành 02 túi nilon) được bỏ trong một vỏ bao thuốc lá. Mua được ketamine, T1 lấy ra 01 túi nilon chứa nửa chỉ ketamine đồng thời bỏ 03 viên thuốc lắc cất giữ sẵn trong người vào vỏ bao thuốc lá rồi đi đến điểm hẹn gặp C. Khi đi đến khu vực đường ven biển xã Q, huyện Q, T1 gặp C và H1 đang đứng đợi. Tại đây, T1 đưa cho H1 vỏ bao thuốc lá bên trong chứa nửa chỉ ketamine và 03 viên thuốc lắc rồi nhận số tiền 3.200.000đ từ H1. Nhận được tiền, T1 điều khiển xe trở về quán K1. H1 cầm vỏ bao thuốc lá chứa ma túy vừa mua được đưa lại cho C để C kiểm tra lại số lượng ma túy trong vỏ bao thuốc lá sau đó cả hai quay về quán K1.

Sau khi bán ma túy cho C và H1, T1 đi thẳng về phòng Vip 3 quán K1 đồ túi nilon chứa nửa chỉ ketamine vừa mua được lên mặt tờ tiền, hơi nóng rồi một mình sử dụng hết bằng cách hít trực tiếp vào mũi.

Đối với C và H1, sau khi mua ma túy của T1 xong cả hai đi về đến cổng quán K1 thì gặp H5 đi bộ đến quán, cả 3 đi vào quán và được D chủ quán hướng dẫn đi

vào phòng V, H5 có yêu cầu gọi thêm 02 nhân viên nữ phục vụ. Tại phòng Vip 2, C lấy ra 01 viên thuốc lắc đưa cho H5, H5 nhận viên thuốc lắc rồi đưa lại cho H1, Hồng bẻ đôi sử dụng một nửa, nửa còn lại H1 đưa lại cho H5 sử dụng hết bằng nước lọc. Còn lại 02 viên, C bẻ đôi 01 viên, sử dụng hết một nửa viên, 1,5 viên còn lại C hoà vào cốc nước cocacola rồi để lên bàn cho mọi người dùng. Được khoảng 20 phút thì có 02 nhân viên nữ là Hà Lê Châu A SN 2006 ở thôn D, xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa và Bùi Thị N SN 2001 ở thôn Q, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa (hiện đang ở trọ tại thôn P, xã T, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa). Chính đi vào phòng hỏi mọi người ai có tiền giấy mệnh giá 2.000đ hoặc 5.000đ không, thì mọi người đều trả lời không có. Thấy vậy, H5 đi ra ngoài mượn của D (chủ quán karaoke) tờ tiền mệnh giá 1.000đ (D biết việc H5 mượn tờ tiền 1000đ để làm dụng cụ xào ketamine). Mượn được tờ tiền, H5 đi vào phòng đưa cho C, C đổ ketamine lên mặt tờ tiền, dùng bật lửa hơi nóng, sau đó đưa ketamine lại cho anh H1 sử dụng bằng cách hít vào mũi, H1 sử dụng xong C đưa lại cho H5 sử dụng bằng cách hít vào mũi. Sau đó C tự sử dụng hết số ketamine còn lại rồi bỏ tờ tiền vào trong túi quần. Một lúc sau Hà Lê Châu A và Bùi Thị N tự cầm cốc coca pha sẵn thuốc lắc để trên bàn uống, sau đó tất cả ngồi nghe nhạc.

Đến khoảng 02 giờ 45 phút ngày 05/3/2024, C, H5 ra về trước. Trên đường về C lấy trong túi quần tờ tiền 1.000đ dùng làm dụng cụ xào ketamine ném bỏ (Chính không nhớ vị trí ném bỏ tờ tiền).

Khoảng 03 giờ 15 phút ngày 05/3/2024, tổ công tác Phòng Cảnh sát ĐTTP về ma túy Công an tỉnh T phối hợp với Phòng PC06 Công an tỉnh T, Công an huyện Q tiến hành kiểm tra hành chính quán K1 thuộc thôn N, xã Q, huyện Q, khi tổ công tác đi vào quán, Nguyễn Đình D (chủ quán karaoke) lập tức xóa toàn bộ dữ liệu lưu trong 03 mắt camera đặt tại quán, đồng thời hô hoán cho mọi người trong hai phòng hát bỏ chạy theo lối cửa sau thì bị tổ công tác ngăn chặn, phát hiện tại phòng Vip 3 của quán có 06 đối tượng có biểu hiện sử dụng trái phép chất ma túy gồm: Hoàng Văn T1, Hoàng Văn H4; Lê Thị T2; Nguyễn Thị X; Y K; Y S1; Tại phòng Vip 2 của quán phát hiện Trịnh Viết H1 có biểu hiện sử dụng trái phép chất ma túy. Tổ công tác tiến hành lập biên bản sau đó đưa toàn bộ các đối tượng về trụ sở Cơ quan CSĐT Công an tỉnh T. Sau khi biết lực lượng Công an kiểm tra quán karaoke, các đối tượng Hoàng Văn B, Thừa Văn L1, Nguyễn Ngọc C, Nguyễn Văn H5 đến Phòng Cảnh sát ĐTTP về ma túy Công an tỉnh T đầu thú, khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh T đã trưng cầu Phòng K2 Công an tỉnh T giám định các mẫu nước tiểu thu của Hoàng Văn T1, Hoàng Văn H4, Hoàng Văn B, Nguyễn Đình D, Nguyễn Văn H5, Nguyễn Ngọc C, Trịnh Viết H1, Nguyễn Thị X, Lê Thị T2, Y K, Y S1, H, Bùi Thị N. Kết quả: Tại các bản Kết luận giám định số 1003/KL-KTHS ngày 12/3/2024, 1007/KL-KTHS ngày 12/3/2024, 1086/KL-KTHS ngày 18/3/2024 của Phòng K2 Công an tỉnh T kết luận:

+ Tìm thấy các chất ma túy, loại: MDMA, Ketamine trong mẫu nước tiểu thu của Hoàng Văn T1, Hoàng Văn H4, Trịnh Viết H1, Nguyễn Thị X, Lê Thị T2, Y K, Y S1;

+ Tìm thấy chất ma túy loại MDMA trong mẫu nước tiểu thu của Nguyễn Văn H5, Nguyễn Ngọc C, H, Bùi Thị N;

+ Không tìm thấy chất ma túy trong mẫu nước tiểu thu của Hoàng Văn B và Nguyễn Đình D.

- Cơ quan CSĐT Công an huyện Q đã trưng cầu Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T phục hồi, tìm kiếm, trích xuất dữ liệu video được khởi tạo, lưu trữ trên 03 chiếc camera thu giữ tại quán K1. Kết quả tại bản Kết luận giám định số 3125/KL-KTHS ngày 27/8/2024, Phòng K2 Công an tỉnh T đã tìm thấy 720 tệp video hiện có và 1004 tệp video phục hồi.

*** Vật chứng thu giữ và xử lý:**

- Tại phòng Vip 3 thu giữ: 01 tờ tiền giấy mệnh giá 1000đ trên mặt bàn.

- Tại sân trước của quán, thu giữ 02 xe mô tô biển kiểm soát: 36B8-707.80 và 36B8 -116.67.

- Tại vị trí cổng và khu vực sảnh quán karaoke thu giữ 03 (ba) chiếc camera màu trắng, nhãn hiệu IMOU.

- Tại cơ quan điều tra, các đối tượng tự nguyện giao nộp:

+ Hoàng Văn H4 giao nộp: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu iphone 12 pro max màu xám, số IMEI: 353730398929211, gắn sim số: 0973.861.004;

+ Hoàng Văn T1 giao nộp: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 màu đen, số IMEI: 352917117877042, gắn sim số: 0912.776.299;

+ Thừa Văn L1 giao nộp: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 mini màu đen, số IMEI: 353013110317555, gắn sim số: 0392.807.923;

+ Hoàng Văn B giao nộp: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 promax màu đen, số IMEI: 353947106619765, gắn sim số: 0395.556.168;

+ Nguyễn Đình D giao nộp: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 màu trắng, số IMEI: 357158814136896, gắn sim số: 0981.760.869;

+ Trịnh Viết H1 giao nộp: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung Galaxy A12 màu xanh, số IMEI: 354890387777242;

+ Nguyễn Ngọc C giao nộp: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy màu tím, số IMEI: 354631091377535.

- Khám xét khẩn cấp nơi ở của Thừa Văn L1 tại TDP. P, Phường Q, TP ., thu giữ 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exiter, BKS: 36B8-766.88.

Quá trình điều tra xác định chiếc xe mô tô biển kiểm soát 36B8-70780 là xe của chị Nguyễn Thị D1 (sinh năm 1991, trú tại thôn L, xã Q, huyện Q – vợ Hoàng Văn B), việc B sử dụng xe mô tô làm phương tiện phạm tội chị D1 không biết, Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe trên cho chị D1.

*** Tại Bản án HSST số 58/2024/HS-ST ngày 26/11/2024 của Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa đã quyết định:**

- Căn cứ vào: điểm a, b, c khoản 2 Điều 255; Điều 58; Điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình D 08 (T3) năm 06 (S2) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày giam, giữ (06/03/2024). Tiếp tục tạm giam bị cáo 45 ngày để đảm bảo thi hành án.

- Căn cứ vào: điểm b, q khoản 2 Điều 251; Điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Thừa Văn L1 08 (T3) năm 06 (S2) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày giam, giữ (06/03/2024). Tiếp tục tạm giam bị cáo 45 ngày để đảm bảo thi hành án.

- Căn cứ vào: điểm b, c khoản 2 Điều 255; Khoản 1 Điều 251; Điều 58; Điều 55; Điểm s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Hoàng Văn T1 07 (Bảy) năm 09 (Chín) tháng tù về “Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”; 02 (H6) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt là 09 (Chín) năm 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày giam, giữ (06/03/2024). Tiếp tục tạm giam bị cáo 45 ngày để đảm bảo thi hành án.

Căn cứ vào: điểm b, c khoản 2 Điều 255; Khoản 1, 2 Điều 251; Điều 58; Điểm s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Hoàng Văn B 07 (Bảy) năm 07 (B1) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày giam, giữ (09/03/2024). Tiếp tục tạm giam bị cáo 45 ngày để đảm bảo thi hành án.

Xử phạt bị cáo Hoàng Văn H4 07 (Bảy) năm 06 (S2) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày giam, giữ (06/03/2024). Tiếp tục tạm giam bị cáo 45 ngày để đảm bảo thi hành án.

Căn cứ vào: điểm b khoản 2 Điều 255; Khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58; Điểm s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc C 07 (Bảy) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày giam, giữ (08/03/2024). Tiếp tục tạm giam bị cáo 45 ngày để đảm bảo thi hành án.

Xử phạt bị cáo Trịnh Viết H1 07 (Bảy) năm 01 (Một) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày giam, giữ (08/03/2024). Tiếp tục tạm giam bị cáo 45 ngày để đảm bảo thi hành án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H5 07 (B1) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày giam, giữ (08/03/2024). Tiếp tục tạm giam bị cáo 45 ngày để đảm bảo thi hành án.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Trong hạn luật định, bị cáo Nguyễn Ngọc C và Trịnh Viết H1 có đơn kháng cáo với nội dung đề nghị cấp phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt. Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo và thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung của Bản án sơ thẩm đã tuyên.

- ***Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:*** Đối với bị cáo Nguyễn Ngọc C, tại phiên tòa, bị cáo C không có thêm tình tiết giảm nhẹ mới, hơn nữa Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo và quyết định mức hình phạt đối với bị cáo là phù hợp quy định pháp luật. Vì vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo C. Đề nghị HĐXX căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo C. Giữ nguyên bản án HSST số 58/2024/HS-ST ngày 26/11/2024 của Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa. Về án phí HSPT: Kháng cáo của bị cáo C không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí HSPT.

Tại cấp phúc thẩm, bị cáo Trịnh Viết H1 bổ sung thêm tình tiết giảm nhẹ mới quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, bị cáo phạm tội với vai trò không đáng kể nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng, khoản 2 Điều 54 BLHS; điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trịnh Viết H1, sửa bản án sơ thẩm số 58/2024/HS-ST ngày 26/11/2024 của Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa theo hướng giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo từ 12 tháng tù đến 18 tháng tù; Về án phí HSPT: Kháng cáo của bị cáo H1 được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí HSPT.

Lời nói sau cùng, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, nhận thức được lỗi lầm, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để bị cáo yên tâm cải tạo thành công dân tốt, sớm được trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của các bị cáo làm theo đúng quy định tại Điều 332, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự, trong thời hạn luật định, nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo của các bị cáo:

[2.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo khai nhận: Khoảng 23 giờ 30 phút ngày 04/3/2024, Trịnh Viết H1, Nguyễn Ngọc C đến nhà Nguyễn Văn H5 rủ H5 đi hát karaoke. Tại nhà H5, C rủ H5 mua ma túy để sử dụng thì cả H1 và H5 đều đồng ý. Thống nhất xong, C gọi điện cho Hoàng Văn T1 hỏi mua 03 viên thuốc

lắc và nửa chỉ ketamine, sau khi hỏi mua được ma túy thì C bàn bạc với H5 và H1 góp tiền để mua ma túy. C là người cầm tiền, sau đó H5 gọi điện thoại đặt phòng hát. Còn H1 và C đi lấy ma túy. Sau đó cả 3 đi vào quán hát cùng tổ chức cho bản thân và những người khác cùng sử dụng ma túy. H5 là người mượn tờ tiền, đưa cho C, C đổ ketamine lên mặt tờ tiền, dùng bật lửa hơi nóng, sau đó đưa ketamine lại cho H1 sử dụng bằng cách hít vào mũi, H1 sử dụng xong C đưa lại cho H5 sử dụng bằng cách hít vào mũi. Sau đó C tự sử dụng hết số ketamine còn lại rồi bỏ tờ tiền vào trong túi quần.

Hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy của các bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy. Mặc dù các bị cáo biết rõ tác hại của ma túy và hậu quả do hành vi phạm tội của mình gây ra nhưng vì thoả mãn nhu cầu của bản thân nên các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt các bị cáo về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 BLHS là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Ngọc C: Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Ngọc C không xuất trình thêm tình tiết gì mới. Từ các chứng cứ được thu thập trong hồ sơ vụ án đủ căn cứ xác định cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Ngọc C về tội danh “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 là đúng người, đúng tội. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét áp dụng tình tiết bị cáo thành khẩn khai báo, phạm tội vai trò là người khởi xướng, đi mua ma túy, tổ chức sử dụng và là người thực hành tích cực, xử phạt mức 07 năm 03 tháng tù là tương xứng với hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo.

[2.3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Trịnh Viết H1, Hội đồng xét xử thấy: Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; lần đầu phạm tội, bị cáo và gia đình bị cáo đã tham gia ủng hộ quỹ xây dựng nhà ở cho người nghèo. Bị cáo tham gia thực hiện hành vi phạm tội cùng với C và H5 là người giúp sức có vai trò không đáng kể. Nên ngoài các tình tiết giảm nhẹ mà cấp sơ thẩm đã xem xét, bị cáo H1 được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ mới theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ tại cấp sơ thẩm và có thêm tình tiết giảm nhẹ mới nên giảm cho bị cáo một phần hình phạt để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật, yên tâm cải tạo thành công dân tốt như đề nghị của đại diện VKS tại phiên tòa phúc thẩm là có căn cứ.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí phúc thẩm: kháng cáo của bị cáo C không được chấp nhận nên phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định pháp luật. Bị cáo H1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm vì kháng cáo của bị cáo được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ: Điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với bị cáo Nguyễn Ngọc C.

[1.1] Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Ngọc C; Giữ nguyên bản án HSST số 58/2024/HS-ST ngày 26/11/2024 của Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

[1.2] Căn cứ: Điểm b khoản 2 Điều 255; khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: bị cáo Nguyễn Ngọc C phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc C 07 (bảy) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08/3/2024.

[2] Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng Hình sự Điểm đ khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với bị cáo Trịnh Viết H1.

[2.1] Chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Trịnh Viết H1, sửa án sơ thẩm theo hướng giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt.

[2.2] Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; Điều 58; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: bị cáo Trịnh Viết H1 phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo Trịnh Viết H1 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08/3/2024.

[3] Về án phí: Bị cáo C phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo H1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Quảng Xương;
- TAND huyện Quảng Xương;
- Chi cục THADS huyện Quảng Xương;
- Phòng THAHS và HTTP CA tỉnh Thanh Hoá;
- Công an xã Quảng Lộc; huyện Quảng Xương;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Nga